TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2018/DS-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Sáng.

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2018/QDST - DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2018/QĐST-DS ngày 14/11/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: số 40- 42- 44 A, Phường B, Thành phố C, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Duy B – Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Bến Tre.

Địa chỉ: số 517 D, phường E, thành phố F, tỉnh Bến Tre.

Ông Võ Duy Bảo ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện I (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn H, huyện I, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: 1/ Bà Lê Thị L, sinh năm 1971(Có mặt)

2/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1971(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã N, huyện I, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2018,trong quá trình tố tụng cũng như tại

phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn H – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/8/2014, Ngân hàng thương mại cổ phần K (Ngân hàng TMCP K)-Phòng giao dịch huyện I có cho bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T vay số tiền 40.000.000 đồng tại Hợp đồng số TD6687/HĐTD ngày 07/8/2014 với những nội dung cụ thể: Số tiền vay: 40.000.000 đồng; Mục đích vay: Chăn nuôi bò; Giải ngân ngày: 18/8/2014; Thời hạn vay: 12 tháng; Ngày đến hạn: 18/8/2015; Lãi suất trong hạn: 14,13% /năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước trời điểm phát sinh nợ quá hạn; Hình thức thanh toán: Lãi tiền vay trả hàng tháng, vốn gốc trả cuối kỳ;

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của bị đơn phía bà L, ông T có ký kết hợp đồng thế chấp số TD 6687/HĐTC ngày 07/8/2014 xác định: Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số BB 072877 do UBND huyện I, tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/01/2010 với các đặc điểm cụ thể như sau: diện tích 350 m^2,đất thuộc thửa số 86, tờ bản số 16, loại đất CLN, tọa lạc tại xã N, huyện I, tỉnh Bến Tre. Hợp đồng thế chấp số TD 6687/HĐTC ngày 07/8/2014 được chứng thực ngày 15/8/2014 tại UBND xã N và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/8/2014 tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Sau khi vay tiền vợ chồng bà L, ông T thanh toán cho ngân hàng được số tiền lãi đến ngày 18/8/2015 rồi ngưng không thanh toán thêm cho ngân hàng số tiền nào nữa. Ngân hàng đã thông báo cho bà L, ông T nhiều lần nhưng bà L, ông T hứa hẹn lần lượt mà không thanh toán nợ cho ngân hàng. Theo thỏa thuận của hợp đồng tính từ ngày 19/8/2015 đến ngày 29 tháng 11 năm 2018, bà L, ông T nợ Ngân hàng số tiền: 66.078.250đồng. Trong đó tiền vay gốc là 40.000.000 đồng; tiến lãi quá hạn 26.078.250 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP K yêu cầu bà L, ông T thánh toán cho Ngân hàng TMCP K tiền vay gốc + tiền lãi tính từ ngày 19/8/2015 đến ngày 29 tháng 11 năm 2018 là 66.078.250đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng TD6687/HĐTD ngày 07/8/2014 từ ngày 30/11/2018 đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp bà L, ông T không thanh toán hoặc thanh toán không dứt nợ thì phía Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số TD 6687/HĐTC ngày 07/8/2014 để thu hồi nợ, không đồng ý cho bị đơn thêm thời gian hoặc cho bị đơn thanh toán dần.

** Tại bản tự khai ngày 13/9/2018, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa bà Lê Thị L trình bày:*

Bà thừa nhận lời trình bày Ngân hàng TMCP K là hoàn toán đúng. Năm 2014, vợ chồng bà L, ông T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP K đề vay số tiền 40.000.000đồng tại Hợp đồng số TD 6687/HĐTD ngày 07/8/2014; Vợ chồng bà L, ông T

có thế chấp QSD đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho ngân hàng tại Hợp đồng thế chấp số TD 6687/HĐTC ngày 07/8/2014. Tuy nhiên sau khi vay tiền cho đến nay, vì làm ăn khó khăn nên vợ chồng bà L, ông T không thanh toán nợ cho ngân hàng đúng như thỏa thuận hợp đồng nên bị ngân hàng khởi kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì vợ chồng bà L, ông T đồng ý thanh toán tiếp cho Ngân hàng số tiền 66.078.250 đồng theo thỏa thuận hợp đồng TD 6687/HĐTD ngày 07/8/2014 nhưng xin thời hạn 03 tháng để thanh toán.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn phía ông Nguyễn Văn T nhưng ông T không làm bản tự khai, không tham gia các phiên làm việc theo giấy triệu tập của tòa. Đồng thời tại phiên tòa, ông T vẫn vắng mặt không lý do (Theo trình bày của bà L thì ông T đi ghe làm kiếm tiền trả nợ không thể bỏ việc về tham gia tố tụng tại tòa, mọi vến đề liên quan đến vụ kiện vợ chồng bà L và ông T có trao đổi qua điện thoại, ý kiến của ông T cũng thống nhất như ý kiến của bà L).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K khởi kiện bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T yêu cầu trả tiền vay còn nợ chưa thanh toán, các đương sự có nơi cư trú tại địa bàn huyện Ba Tri. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do giao dịch được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 chưa thực hiện xong nay mới tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nên áp dụng quy định Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn T. Nhưng tại phiên tòa, ông T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng số TD 6687/HĐTD ngày 07/8/2014 và Hợp đồng thế chấp số TD 6687/HĐTC ngày 07/8/2014 được Ngân hàng TMCP K và phía bị đơn bà Lê Thị L,

ông Nguyễn Văn T ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối, ép buộc; Hợp đồng thế chấp có chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo trình tự, thủ tục luật định, không trái với đạo đức xã hội nên có hiệu lực thì hành đối với các bên - Hội đồng xét xử xác định đây là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Phía bị đơn bà Lê Thị L hoàn toàn thừa nhận lời trình bày của Ngân hàng TMCP Kiên Long, xác định sau khi vợ chồng bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T vay số tiền 40.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số TD 6687/HĐTD ngày 07/8/2014, chỉ thanh toán được tiền lãi cho ngân hàng đến ngày 18/8/2015. Từ đó đến nay vợ chồng bà L, ông T không thanh toán được thêm khoản tiền nào cho Ngân hàng. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K yêu cầu bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T thanh toán số tiền vay gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng số TD 6687/HĐTD ngày 07/8/2014 tính từ ngày 19/8/2015 đến ngày tòa xét xử hôm nay (ngày 29/11/2018) là 26.078.250 đồng là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nói trên cũng như phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 30/11/2018 đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn đã quy định tại Hợp đồng tín dụng số TD 6687/HĐTD ngày 07/8/2014 cho đến khi trả hết nợ gốc - Yêu cầu nầy phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết tại Điều 2, Điều 6 cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về việc Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số TD 6687/HĐTC ngày 07/8/2014 để bảo đảm thu hồi các khoản nợ trong trường hợp bà L, ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản tiền mà bà L, ông T có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận hợp đồng thế chấp và quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà L về việc cho bị đơn được thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP K trong thời gian 03 tháng không được Ngân hàng TMCP K đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trong vụ kiện là 3.303.912 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 36, 39, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Buộc bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K (Phòng giao dịch huyện I đại diện nhận) số tiền nợ tính đến hết ngày 29/11/2018 là 66.078.250 đồng (Sáu mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

Bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục liên đới thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 30/11/2018 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K với mức lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số TD 6687/HĐTD ngày 07/8/2014 mà đôi bên đã ký kết cho đến khi thi hành xong.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long, thì Ngân hàng TMCP K (Phòng giao dịch huyện I đại diện) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số TD 6687/HĐTC ngày 07/8/2014 để thu hồi nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T phải liên đới nộp số tiền án phí là 3.303.912 đồng (Ba triệu, ba trăm lẻ ba ngàn, chín trăm mười hai đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.534.000 đồng (Một triệu, năm trăm ba mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu số 0017856 ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo

quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Rẻn